CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 1 + 2 **Ngày 10 tháng 01 năm 2007**

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
	PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	
	UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH	
12-01-2007	Chỉ thị số 01/2007/CT- UBND về việc tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007.	4
15-01-2007	Chỉ thị số 02/2007/CT-UBND về việc tổ chức và đón Tết Nguyên đán Đinh Hợi năm 2007.	6
16-01-2007	Quyết định số 87/2007/QĐ-UBND về việc phê duyệt bản Điều lệ, công nhận Ban chấp hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam/Điôxin tỉnh Phú Thọ.	9
16-01-2007	Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh.	20
26-01-2007	Quyết định số 184/2007/QĐ-UBND về đơn giá, trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà	28

nước thu hồi đất.

HĐND HUYỆN TAM NÔNG

05-01-2007 Nghị quyết số 43/2007/ NQ-HĐND về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007. 61

05-01-2007 Nghị quyết số 44/2007/ NQ-HĐND về dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2007. 68

05-01-2007 Nghị quyết số 45/2007/ NQ-HĐND về nội dung các kỳ họp, chương trình giám sát của Thường trực HĐND, 2 ban HĐND năm 2007. 71

05-01-2007 Nghị quyết số 46/2007/ NQ-HĐND về củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức các xã, thị trấn giai đoạn 2007 - 2010. 75

UBND HUYỆN YÊN LẬP

10-01-2007 Quyết định số 08/2007/QĐ-UBND về một số chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2007. 78

HĐND HUYỆN YÊN LẬP

05-01-2007 Nghị quyết số 39/2007/ NQ-HĐND về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007. 90

05-01-2007 Nghị quyết số 40/2007/NQ-HĐND về dự toán thu ngân sách tại địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách huyện, xã năm 2007, phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2007. 96

05-01-2007 Nghị quyết số 41/2007/ NQ-HĐND phê chuẩn Đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Yên Lập giai đoạn 2006 - 2010. 108

05-01-2007 Nghị quyết số 42/2007/ NQ-HĐND về việc thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2007 và điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất an ninh, quốc phòng giai đoạn 2006 - 2010. 112

PHẦN II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

16-01-2007	Chỉ thị số 03/CT- UBND về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh.	115
25-01-2007	Chỉ thị số 04/CT- UBND về việc tăng cường công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	118

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

18-01-2007	Quyết định số 107/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Phú Hà trực thuộc UBND thị xã Phú Thọ.	121
26-01-2007	Quyết định số 174/QĐ-UBND v/v Quy định giá thóc để áp dụng thu thuế nhà đất năm 2007.	123

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2007/CT-UBND	*Việt Trì, ngày 12 tháng 01 năm 2007*

CHỈ THỊ
Về việc tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007

Ngày 15 tháng 8 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 187/2006/QĐ-TTg về tổ chức tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007, nhằm thu thập số liệu về số lượng cơ sở, số lao động, những thông tin cơ bản về điều kiện và kết quả hoạt động của các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp thuộc các ngành kinh tế quốc dân (trừ các ngành nông, lâm, thủy sản năm 2006) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước, các ngành quản lý, các nhà lập kế hoạch, chính sách, các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Để thực hiện tốt tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Cục thống kê tỉnh là cơ quan Thường trực của Ban chỉ đạo tỉnh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện kế hoạch tổng điều tra trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo đúng phương án điều tra và hướng dẫn của Ban chỉ đạo Trung ương. Trong quá trình tổ chức thực hiện tổng điều tra phải kịp thời phản ánh và đề xuất các chủ trương, giải pháp xử lý các khó khăn, vướng mắc với UBND tỉnh và Ban chỉ đạo Trung ương.

2. Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với Cục thống kê tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện tốt việc ghi phiếu điều tra, cung cấp thông tin theo đúng hướng dẫn và yêu cầu của các điều tra viên và đội trưởng điều tra do Ban chỉ đạo các cấp cử đến làm việc.

3. UBND các huyện, thành, thị tập trung chỉ đạo, thành lập và tạo điều kiện để Ban chỉ đạo tổng điều tra cùng cấp hoàn thành nhiệm vụ; hướng dẫn Ban chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tuyển chọn các điều tra viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp các cấp (bao gồm: Các cơ quan của Nhà nước, Đảng, đoàn thể, hội, hiệp hội, nhà thờ, nhà chùa, các cơ quan Sở Giáo dục - Đào tạo, văn hóa, y tế,…) các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các HTX nông, lâm, thủy sản), các chi nhánh, văn phòng đại điện và các cơ sở cá thể sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phi nông - lâm - thủy sản có trách nhiệm thực hiện ghi phiếu điều tra hoặc cung cấp các thông tin theo đúng hướng dẫn và yêu cầu của các điều tra viên, đội trưởng điều tra các cấp.

5. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ, các đài truyền thanh cơ sở, các đoàn thể quần chúng có trách nhiệm phối hợp với Ban chỉ đạo tổng điều tra của tỉnh và Ban chỉ đạo các huyện, thành, thị; các xã, phường, thị trấn tập trung tuyên truyền rộng rãi, làm cho các cơ quan, đơn vị cơ sở và nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung của đợt tổng điều tra này.

6. Các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tổng điều tra và báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2007/CT-UBND	*Việt Trì, ngày 15 tháng 1 năm 2007*

CHỈ THỊ

Về việc tổ chức và đón Tết Nguyên đán Đinh Hợi năm 2007

Năm 2007 là năm thứ hai triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 theo Nghị quyết HĐND tỉnh khóa XVI. Là năm có ý nghĩa quan trọng tạo đà cho việc phấn đấu thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X; đánh dấu mốc quan trọng để xác định thực lực, khả năng phát triển trong quá trình hội nhập toàn diện với kinh tế thế giới. Yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh là phải nỗ lực phấn đấu cao hơn, vượt qua khó khăn thử thách, giành những thành tựu to lớn hơn trên tất cả các lĩnh vực; tạo bước chuyển mạnh mẽ hơn nữa về chất để tăng nhanh hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập và nâng cao đời sống nhân dân. Do đó việc tổ chức vui tết, đón xuân phải vừa phát huy được nét đẹp truyền thống trong sinh hoạt văn hóa, vừa tạo không khí phấn khởi, thi đua lao động sản xuất để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ngay từ những ngày đầu năm. Để tạo điều kiện cho cán bộ, nhân dân đón Tết Đinh Hợi đảm bảo vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, an toàn, Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị chỉ đạo chặt chẽ các cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý trong việc tổ chức cho cán bộ công chức, viên chức và nhân dân đón tết, đảm bảo vui tươi lành mạnh, an toàn và tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí. Tiếp tục duy trì và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch phát động phong trào trồng cây nhớ Bác trong ngày đầu xuân. Tổ chức tết tại cơ quan, đơn vị với tinh thần tiết kiệm; không mang hoa, quà biếu đến nhà riêng các đồng chí lãnh đạo để chúc tết, dành thời gian nghỉ tết cho gia đình và thăm hỏi họ hàng, người thân và nhân dân.

Yêu cầu các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước không sử dụng công quỹ để biếu xén, quà cáp, thưởng sai chế độ. Những đơn vị được trích quỹ thưởng theo chế độ cho tập thể, cá nhân phải công khai danh sách thưởng và mức thưởng cho toàn cơ quan đơn vị biết. Nghiêm cấm việc lợi dụng lễ, tết để tổ chức liên hoan, ăn uống lãng phí, tham quan, du lịch, lễ hội hoặc sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, của tập thể để biếu, cho, tặng tổ chức, cá nhân không đúng chế độ quy định; không được sử dụng xe công để phục vụ các hoạt động cá nhân. Tổ chức chu đáo việc thăm hỏi Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với nước và các đối tượng chính sách xã hội khác. Vận động các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống tương thân, tương ái giúp đỡ các gia đình nghèo, người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ để mọi người, mọi nhà đều được đón tết,

vui xuân; không để gia đình, cá nhân nào ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình không có tết.

2. UBND các huyện, thành, thị; các lực lượng công an, quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, kiểm soát nghiêm ngặt, phát hiện, thu giữ, tiêu hủy mọi loại pháo lậu, bảo đảm cho nhân dân vui Tết Đinh Hợi an toàn, lành mạnh; những trường hợp vi phạm phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Các Sở: Thương mại & Du lịch, Tài chính tăng cường chỉ đạo Chi cục quản lý thị trường tỉnh, làm tốt công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng. Tổ chức tốt việc lưu thông hàng hóa, các dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch trong dịp tết, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng hàng hóa, đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng (nhất là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa) trong dịp tết với giá cả hợp lý, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng; bố trí cán bộ trực tiếp theo dõi giá cả thị trường, phát hiện kịp thời những hàng hóa, dịch vụ tăng giá đột biến, đề xuất biện pháp bình ổn giá theo tinh thần Chỉ thị số 05/2006/CT-BTC ngày 29/12/2006 của Bộ Tài chính về việc bình ổn giá và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Hợi 2007.

3. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh duy trì chặt chẽ chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; Công an tỉnh phối hợp với các ngành và chỉ đạo các đơn vị trong ngành xây dựng, triển khai tốt phương án đảm bảo quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tết Nguyên đán Đinh Hợi; thực hiện các biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội thường xảy ra trong dịp tết như: Truyền bá tài liệu phản động, cờ bạc, mê tín dị đoan…; ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh theo pháp luật tệ nạn đua xe trái phép, đốt pháo, gây rối trật tự công cộng, không để xảy ra trọng án, gia tăng tai nạn giao thông trong những ngày tết; phối hợp với các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra phòng, chống cháy nổ ở các cơ quan xí nghiệp, các khu dân cư tập trung; giữ gìn trật tự giao thông, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông trước, trong và sau tết.

4. Sở Giao thông - Vận tải chỉ đạo tăng cường hoạt động của các đơn vị vận tải hàng hóa, vận tải hành khách thuộc các thành phần kinh tế, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về lưu thông hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân trong dịp tết. Tăng cường kiểm tra an toàn các phương tiện giao thông, tinh thần phục vụ của chủ phương tiện, đảm bảo thuận lợi, văn minh, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông trong dịp tết.

5. Sở Y tế chỉ đạo và kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, bố trí nhân lực và thuốc để chủ động áp dụng kịp thời biện pháp ngăn chặn, xử lý khẩn cấp trường hợp dịch cúm gia cầm lây lan sang người. Có kế hoạch duy trì hoạt động khám chữa bệnh từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng nhu cầu, khám chữa bệnh cho nhân dân. Kiểm soát chặt chẽ thị trường thuốc chữa bệnh, chống thuốc giả. Tăng cường hoạt động của y tế dự phòng đảm bảo yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm không để ngộ độc, dịch bệnh xảy ra trong dịp tết. Các bệnh viện phải đảm bảo thường trực 24/24 giờ, giải quyết kịp thời việc cấp cứu người bệnh.

6. Điện lực Phú Thọ, Sở Bưu chính - Viễn thông, Bưu điện tỉnh chỉ đạo các đơn vị đảm bảo các yêu cầu về cấp điện, an toàn điện, nhu cầu về điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong dịp tết; bố trí trực ban trong dịp tết để xử lý kịp thời sự cố bất thường về điện có thể xảy ra; giữ vững thông tin liên lạc thông suốt phục vụ tốt sự chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

7. Sở Văn hóa - Thông tin phối hợp với Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Thể dục - Thể thao, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của các tầng lớp nhân dân nhất là của thanh thiếu niên. Đảm bảo các hoạt động văn hóa lành mạnh, khơi dậy được các giá trị văn hóa truyền thống của Đất Tổ; ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa; phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các vi phạm, ngăn ngừa các hủ tục lạc hậu trong dịp tết. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức khai mạc và triển khai các hoạt động của chương trình "Về miền lễ hội cội nguồn dân tộc Việt Nam năm 2007".

8. UBND các huyện, thành, thị phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm tỉnh tổ chức tốt ngày ra quân trồng cây đầu xuân ở tất cả các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, các xã, phường, thị trấn và các đơn vị lực lượng vũ trang để mở đầu cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch trồng cây, trồng rừng năm 2007 của tỉnh. Phải huy động tất cả các tầng lớp nhân dân tham gia để ngày ra quân trồng cây đầu xuân trở thành ngày hội của quần chúng. Đồng thời chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai kế hoạch sản xuất vụ chiêm xuân, chủ động công tác chống hạn và phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; phòng chống rét đậm, rét hại cho cây trồng, vật nuôi; đảm bảo cây hết diện tích, đúng tiến độ trong khung thời vụ. Các doanh nghiệp tùy theo điều kiện bố trí sản xuất hợp lý, an toàn trong dịp tết; chuẩn bị đầy đủ điều kiện để đảm bảo duy trì sản xuất trước và sau tết tạo khí thế lao động tích cực ngay từ đầu năm.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị có kế hoạch chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này và thường xuyên báo cáo tình hình, kết qủa thực hiện về UBND tỉnh. Ngày 22/02/2007 (tức ngày 06 tháng Giêng năm Đinh Hợi) các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị có báo cáo tổng hợp (bằng văn bản) tình hình trước, trong và sau tết về UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Doãn Khánh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 87/2007/QĐ-UBND	*Việt Trì, ngày 16 tháng 01 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bản Điều lệ, công nhận Ban chấp hành,Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam/Điôxin tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/200 của Chính phủ "Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội"; Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ "Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam/Điôxin tỉnh Phú Thọ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ, công nhận Ban chấp hành Hội nạn nhân chất độc da cam/Điôxin tỉnh Phú Thọ do Đại hội thành lập Hội thông qua ngày 10/11/2006.

(Có bản Điều lệ, Ban chấp hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam/Điôxin tỉnh Phú Thọ căn cứ Quyết định thực hiện.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Hải (đã ký)

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH, CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/ĐIÔXIN TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ trong Hội	Ghi chú
01	Phạm Huy Nhiệm	1947	UVBCH, Chủ tịch Hội	
02	Hà Văn Hiệp	1946	UVBCH, Phó Chủ tịch Hội	
03	Nguyễn Quang Thoải	1945	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
04	Nguyễn Văn Phúc	1943	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
05	Bùi Quang Hồng	1956	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
06	Vũ Nguyên Ngọc	1946	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
07	Trần Tiến Khang	1951	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
08	Nguyễn Tiến Sử	1951	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
09	Phạm Ngọc Châu	1948	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
10	Nguyễn Ngọc Thắng	1958	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
11	Nguyễn Xuân Hân	1950	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
12	Đãi Văn Hợi	1948	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
13	Trần Thị Thiện	1957	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
14	Nguyễn Văn Lâm	1951	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	
15	Lã Vinh Dự	1945	Uỷ viên Ban chấp hành Hội	

(Ấn định danh sách gồm 15 người)

ĐIỀU LỆ
HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/ĐIÔXIN TỈNH PHÚ THỌ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Hội nạn nhân chất độc da cam/Điôxin là tổ chức xã hội - từ thiện. Hội đoàn kết, tập hợp các nạn nhân bị ảnh hưởng của chất độc da cam/Điôxin do các Công ty của Mỹ sản xuất và quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam (dưới đây gọi tắt là nạn nhân chất độc da cam) và các tầng lớp nhân dân Việt Nam, tự nguyện tham gia khắc phục hậu quả chất độc da cam/Điôxin, nhằm góp phần vào sự phát triển đất nước, vì mục tiêu "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", vì lợi ích của những nạn nhân chất độc da cam.

Hội hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo Điều lệ Hội.

Hội quan hệ, hợp tác với các tổ chức xã hội trong nước và nước ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, phù hợp pháp luật Nhà nước Việt Nam. Các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc công nhận, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Hội.

Hội lấy tên: Hội nạn nhân chất độc da cam/Điôxin tỉnh Phú Thọ (dưới đây gọi tắt là Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh Phú Thọ - viết tắt là Hội).

Điều 2. Hội là một tổ chức xã hội - từ thiện của những nạn nhân chất độc da cam là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các cá nhân tập thể tự nguyện hoạt động đóng góp công sức, trí tuệ, tiền của để giúp đỡ những nạn nhân chất độc da cam, khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam.

Điều 3. Hội được thành lập nhằm huy động mọi tiềm lực của xã hội, của các nhà hảo tâm trong nước và ngoài nước, tạo mọi điều kiện giúp đỡ để những nạn nhân chất độc da cam và gia đình hòa nhập cộng đồng - xã hội góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội giáo dục, động viên nạn nhân chất độc da cam phấn đấu vươn lên, tổ chức chăm lo giúp đỡ lẫn nhau, thực hiện nghĩa vụ, đảm bảo quyền lợi của người công dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 4. Hội hoạt động trong phạm vi toàn tỉnh, có biểu tượng, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại ngân hàng. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Việt Trì (trước mắt đặt tại Liên đoàn Lao động tỉnh Phú Thọ).

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 5. Hội có chức năng.

Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống của dân tộc "Thương người như thể thương thân" đùm bọc thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau về tinh thần, vật chất nhằm vượt qua những nỗi đau về tinh thần và thể xác, giảm bớt những khó khăn trong cuộc sống, vươn lên chiến thắng bệnh tật, để tiếp tục lao động xây dựng cuộc sống và góp phần cống hiến cho xã hội.

Bảo vệ quyền lợi của các nạn nhân chất độc da cam trong tỉnh và cả nước.

Đại diện cho các nạn nhân chất độc da cam của tỉnh trong quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong nước, trong quan hệ quốc tế và đấu tranh đòi các Công ty hóa chất của Mỹ phải chịu trách nhiệm tham gia khắc phục hậu quả chất độc hóa học do họ gây ra.

Thay mặt các nạn nhân trong tỉnh tham gia các diễn đàn quốc tế để bảo vệ quyền lợi của các nạn nhân.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội.

1. Tập hợp, đoàn kết, động viên nạn nhân chất độc da cam khắc phục khó khăn, phát huy khả năng tham gia các hoạt động xã hội, hòa nhập cộng đồng, chấp hành pháp luật của Nhà nước.

2. Tuyên truyền, tổ chức và hoạt động, vận động sự đóng góp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cá nhân… trợ giúp về vật chất và tinh thần để cùng với Nhà nước và tỉnh tạo điều kiện cho những nạn nhân chất độc da cam cải thiện đời sống, hòa nhập cộng đồng. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động của Hội.

3. Đề xuất và kiến nghị với Nhà nước ban hành, bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nạn nhân chất độc da cam.

4. Mở rộng quan hệ, tranh thủ nguồn tài trợ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực hoạt động nhân đạo giúp đỡ cho những nạn nhân chất độc da cam. Trao đổi kinh nghiệm và hoạt động của Hội để phù hợp với pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân vì lợi ích của nạn nhân chất độc da cam.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội:

1. Tự nguyện, tự quản, tự trang trải, chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Đoàn kết, tương trợ và bình đẳng hợp tác.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên.

Những nạn nhân bị ảnh hưởng của chất độc da cam do các Công ty Mỹ sản xuất và quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam và các cá nhân, tập thể tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện tham gia vào Hội thì được kết nạp vào Hội. Việc kết nạp hội viên do Ban chấp hành Hội cơ sở quyết định.

Điều 9. Hội viên danh dự.

Công dân Việt Nam và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có công đóng góp cho Hội, được xem xét công nhận là hội viên danh dự của Hội.

Hội viên danh dự không tham gia ứng cử, đề cử vào Ban lãnh đạo và không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 10. Quyền của hội viên:

1. Tham gia sinh hoạt tại các tổ chức của Hội, được thảo luận và biểu quyết các công việc của Hội.

2. Bầu cử, ứng cử, đề cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.

3. Được nhận sự hỗ trợ giúp đỡ theo khả năng của Hội, được bảo vệ khi các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp bị xâm phạm.

4. Được đề xuất, góp ý kiến và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề thuộc lĩnh vực.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên.

1. Chấp hành Điều lệ Hội, Nghị quyết của Đại hội cũng như quyết định khác của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công.

3. Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng phấn đấu thực hiện mục đích của Hội; tham gia đóng góp vào việc tuyên truyền và vận động phát triển Hội.

Chương IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức:

Hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số và làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Tổ chức của Hội bao gồm:

- Đại hội toàn thể, Hội nghị toàn thể hội viên.
- Ban chấp hành.
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội.
- Ban Kiểm tra.
- Ủy viên Thư ký Hội.
- Văn phòng Hội.
- Các tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội thường kỳ.

1. Đại hội thường kỳ của Hội, được tổ chức 5 năm một lần do Ban chấp hành Hội đương nhiệm triệu tập. Đại hội đầu tiên của Hội do Ban vận động thành lập Hội triệu tập. Đại hội Hội là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội. Các quyết định của Đại hội phải được quá nửa số đại biểu chính thức tán thành.

2. Nhiệm vụ chính của Đại hội:

- Thông qua Điều lệ hoặc Điều lệ sửa đổi.
- Thảo luận báo cáo tổng kết nhiệm kỳ cũ và phương hướng nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội.
- Thảo luận góp ý báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban chấp hành và Ban Kiểm tra.
- Thảo luận và phê duyệt quyết toán tài chính nhiệm kỳ cũ và kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới của Hội.
- Bầu cử Ban chấp hành và Ban Kiểm tra.
- Thảo luận và thông qua Nghị quyết của Đại hội.

3. Ban chấp hành có thể triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội, theo đề nghị của Chủ tịch Ban chấp hành Hội, hoặc của trên 50% tổng số ủy viên Ban chấp hành và 2/3 tổng số hội viên.

4. Thư triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu phải nêu rõ chương trình nghị sự và gửi đến tất cả hội viên ít nhất 1 tuần trước ngày họp.

5. Các Nghị quyết của Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được thông qua bằng biểu quyết theo nguyên tắc đa số. Mỗi hội viên chính thức có 1 phiếu. Trong

trường hợp không thể tham dự Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu, người đại diện hội viên có thể ủy nhiệm cho người khác làm đại diện. Hình thức biểu quyết do Đại hội hoặc Hội nghị quyết định.

6. Hội nghị giữa kỳ của Đại hội: Cứ 2 năm rưỡi 1 lần có Hội nghị giữa kỳ để kiểm tra, thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết Đại hội.

7. Hội nghị bất thường khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Ban chấp hành Hội và quá nửa số hội viên đề nghị, Ban chấp hành Hội sẽ triệu tập Hội nghị bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh bức bách của Hội.

Điều 14. Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa 2 kỳ Đại hội.

1. Số lượng ủy viên Ban chấp hành do Đại hội quyết định, trong đó có 1 Chủ tịch 1 hoặc 2 Phó Chủ tịch và 1 ủy viên Thư ký kiêm thường trực Hội. (Ban chấp hành có thể từ 13 - 15 thành viên).

2. Ban chấp hành được Đại hội bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Danh sách các ủy viên đề cử và ứng cử phải được Đại hội thông qua. Nhiệm kỳ của Ban chấp hành là 5 năm. Trường hợp cần tăng thêm số lượng Ban chấp hành hoặc bổ sung thay thế các ủy viên Ban chấp hành trong số ủy viên Ban chấp hành đã được Đại hội thông qua, giao cho Ban chấp hành thực hiện.

3. Ban chấp hành hoạt động theo quy chế do tập thể Ban chấp hành thông qua.

4. Ban chấp hành họp ít nhất hai lần trong một năm theo triệu tập của Chủ tịch Ban chấp hành. Các phiên họp Ban chấp hành được coi là hợp lệ khi có mặt 2/3 tổng số ủy viên Ban chấp hành.

5. Các quyết định và Nghị quyết của Ban chấp hành được thông qua bằng biểu quyết và chỉ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số ủy viên Ban chấp hành dự họp tán thành. Nếu số phiếu thuận và không thuận là ngang nhau, bên nào có ý kiến của Chủ tịch Ban chấp hành sẽ được chấp thuận. Hình thức biểu quyết do kỳ họp Ban chấp hành quy định.

6. Ban chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Quyết định các biện pháp thực hiện nghị quyết của Đại hội.

- Quyết định kế hoạch chương trình công tác hàng năm hoặc giữa các kỳ họp của Ban chấp hành.

- Thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính nhiệm kỳ và hàng năm của Hội do ủy viên Thư ký đệ trình để trình ra Hội nghị toàn thể hoặc Đại hội toàn thể.

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong nhiệm kỳ Đại hội.

- Chuẩn bị, nội dung chương trình nghị sự và các tài liệu trình Đại hội (kể cả Đại hội bất thường) và Hội nghị toàn thể hàng năm.

- Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, quy chế sử dụng tài chính của Hội, quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội.

- Bầu cử và bãi miễn bằng phiếu kín các chức danh lãnh đạo Hội: Như Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội.

- Quyết định kết nạp, kỷ luật (cả các ủy viên Ban chấp hành và ủy viên Thường vụ), bãi miễn tư cách các hội viên.

- Quyết định triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu.

Điều 15. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội.

1. Chủ tịch Ban chấp hành đồng thời là Chủ tịch Hội, các Phó Chủ tịch Ban chấp hành đồng thời là Phó Chủ tịch Hội. Chủ tịch do Ban chấp hành bầu ra, các Phó Chủ tịch do Ban chấp hành bầu với sự giới thiệu của Chủ tịch Hội.

2. Chủ tịch Hội có quyền hạn và trách nhiệm:

- Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật,

- Chủ tài khoản, quản lý tài chính và tài sản của Hội,

- Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Hội nghị toàn thể và các quyết định của Ban chấp hành,

- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành Hội,

- Chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành và toàn thể hội viên về các hoạt động của Hội.

- Phê duyệt nhân sự cho Văn phòng Hội, quyết định thành lập các tổ chức khác của Hội theo đề nghị của ủy viên Thư ký.

- Thành lập các tiểu ban chuyên môn.

3. Các Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc cho Chủ tịch, được Chủ tịch phân công giải quyết từng vấn đề cụ thể và có thể được ủy quyền điều hành công việc của Ban chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 16. Ủy viên Thư ký - Thường trực Hội:

Ủy viên Thư ký do Ban chấp hành bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Đại diện cho Thường trực Hội trong quan hệ giao dịch hàng ngày.

- Tổ chức, điều hành các hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội.

- Quản lý hồ sơ, tài liệu giao dịch của Hội.

- Xây dựng các quy chế hoạt động của Văn phòng, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban chấp hành phê duyệt.

- Định kỳ báo cáo cho Ban chấp hành về các hoạt động của Hội.

- Lập các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban chấp hành.

- Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về các hội viên và các tổ chức trực thuộc.

- Chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành và trước pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

Điều 17. Thường vụ Ban chấp hành Hội:

Thường vụ Ban chấp hành Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng Thường vụ Ban chấp hành do Ban chấp hành quy định và bầu, nhưng không vượt quá 1/3 tổng số ủy viên Ban chấp hành. Thường vụ Ban chấp hành có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Hội, Nghị quyết của Ban chấp hành Hội.

- Quản lý tài sản, tài chính của Hội.

- Quyết định các vấn đề về tổ chức và hội viên của Hội và hướng dẫn hoạt động của các tổ chức trực thuộc.

- Chuẩn bị nội dung, triệu tập các kỳ họp của Ban chấp hành Hội; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban chấp hành Hội.

Điều 18. Văn phòng Hội:

1. Văn phòng Hội hoạt động theo quy chế do Ban chấp hành phê duyệt.

2. Tổ chức bộ máy của Văn phòng Hội do Ban chấp hành phê duyệt, nhân sự của Văn phòng do Hội đồng tuyển dụng và Chủ tịch phê duyệt.

3. Các nhân viên của Văn phòng phải là những người có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao, tuyển dụng qua sát hạch công khai, làm việc theo chế độ hợp đồng;

4. Kinh phí cho hoạt dộng hàng năm của Văn phòng do ủy viên Thư ký dự trù trình Ban chấp hành duyệt và Hội nghị toàn thể hàng năm biểu quyết phê chuẩn.

Điều 19. Ban Kiểm tra:

1. Ban Kiểm tra có 1 Trưởng ban là ủy viên Ban chấp hành, phụ trách gồm từ 3 đến 5 thành viên do Đại hội bầu. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban chấp hành.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các Nghị quyết của Hội, đối với toàn thể hội viên và lãnh đạo Hội.

- Kiểm tra làm rõ nguyên nhân vi phạm, đề xuất biện pháp xử lý để Ban chấp hành xem xét quyết định.

- Yêu cầu Ban chấp hành tổ chức phiên họp bất thường, hoặc tổ chức Hội nghị bất thường khi có vấn đề cần thiết của Hội.

- Ban Kiểm tra có thể được mời dự các kỳ họp của Ban chấp hành Hội.

Điều 20. Các tổ chức và các đơn vị trực thuộc Hội.

Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh hướng dẫn thành lập Hội ở huyện, thành, thị và các xã, phường, thị trấn trong tỉnh theo quy định và được thành lập các đơn vị dịch vụ trực thuộc Hội. Việc thành lập các đơn vị này đều phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 21. Tài chính của Hội

a) Tài chính của Hội bao gồm nguồn ngân sách Nhà nước tài trợ, hội phí và các nguồn thu khác.

Hội phí của Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định từng thời gian cho phù hợp với khả năng đóng góp của hội viên. Không thu hội phí đối với hội viên là nạn nhân chất độc da cam.

b) Tài chính của Hội chi vào những việc sau:

1. Chi cho các hoạt động của Hội, chủ yếu chi cho các hoạt động bảo trợ nạn nhân chất độc da cam: Trợ giúp khó khăn đột xuất, nuôi dưỡng, học nghề, tạo việc làm, học văn hóa, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng.

2. Chi cho công tác tuyên truyền.

3. Chi cho các hoạt động của Hội.

4. Chi khen thưởng.

Điều 22. Tài sản của Hội.

Tài sản do Nhà nước đầu tư và hỗ trợ, do các Hội, các tổ chức quốc tế và cộng đồng giúp đỡ như trụ sở, phương tiện… đều là tài sản của Hội, do Hội quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chương VI
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng.

Những tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội được Hội xét khen thưởng hoặc đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định. Chế độ khen thưởng thực hiện theo hướng dẫn của Nhà nước và của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Điều 24. Kỷ luật.

Tập thể Ban chấp hành, Ban Thường vụ và cá nhân nếu vi phạm Điều lệ, nghị quyết của Hội hoặc làm tổn thương đến uy tín danh dự, tài sản, tài chính của Hội tùy theo mức độ sai phạm có thể bị phê bình, cảnh cáo, không công nhận là hội viên.

Chương VII
GIẢI THỂ HỘI

Điều 25. Hội chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau.

Hội tự nguyện giải thể theo Nghị quyết của trên 50% tổng số hội viên trở lên.

Hội bị giải thể do hoạt động không liên tục 12 tháng hoặc khi có Nghị quyết của Đại hội mà Ban chấp hành Hội không chấp hành.

Khi giải thể. Đại hội hoặc cơ quan Nhà nước ra quyết định giải thể. Hội chỉ định một Ban thanh lý tài sản. Ban thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo kết quả thanh lý cho toàn thể hội viên trước khi báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan chức năng.

Chương VIII
THI HÀNH ĐIỀU LỆ HỘI

Điều 26. Chấp hành Điều lệ Hội.

Tổ chức và các hội viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ của Hội Ban chấp hành Hội có nhiệm vụ hướng dẫn việc thi hành Điều lệ của Hội.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu của Hội nạn nhân chất độc da cam/Điôxin mới có quyền sửa đổi bổ sung Điều lệ Hội.

Điều 28. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này gồm 8 chương 28 điều đã được Đại hội Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh Phú Thọ thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực kể từ ngày UBND tỉnh Quyết định phê duyệt.

HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/ĐIÔXIN
TỈNH PHÚ THỌ

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 88/2007/QĐ-UBND	*Việt Trì, ngày 16 tháng 01 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị căn cứ quyết định thực hiện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Hải (đã ký)

QUY ĐỊNH
Về tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này áp dụng trong việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ của tỉnh dưới dạng đề tài, dự án đã được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục, gồm: Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đề tài khoa học xã hội và nhân văn, các dự án khoa học - công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài, dự án);

Điều 2. Tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học là quá trình xem xét, đánh giá hồ sơ tham gia tuyển chọn nhằm lựa chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án đáp ứng những yêu cầu nêu trong Quy định này.

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tóm tắt việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng tỉnh Phú Thọ và Báo Khoa học và Phát triển, thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Thông tin chi tiết, hệ thống biểu mẫu, hồ sơ liên quan đến việc tuyển chọn được đăng tải trên Website khoa học và công nghệ Phú Thọ (http://www.dostephutho.gov.vn).

Điều 4. Việc đánh giá, tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh được thực hiện trên cơ sở hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân và thông qua Hội đồng khoa học tư vấn tuyển chọn (sau đây gọi tắt là Hội đồng tuyển chọn) do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Điều kiện tham gia tuyển chọn

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn có quyền tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh.

2. Cá nhân tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, đang hoạt động, công tác ở lĩnh vực phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn;

- Là người chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng thuyết minh đề tài, dự án và trực tiếp điều hành việc tổ chức thực hiện đề tài, dự án.

3. Tổ chức và cá nhân không được tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh khi chưa hoàn thành việc nghiệm thu, thanh, quyết toán hoặc chưa hoàn trả kinh phí thu hồi của các đề tài, dự án khoa học được giao thực hiện trước đó.

4. Mỗi cá nhân không được đồng thời chủ trì thực hiện từ 02 đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh trở lên.

5. Mỗi tổ chức được phép đồng thời chủ trì thực hiện nhiều đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh.

Điều 6. Đăng ký tham gia tuyển chọn

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh gồm:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án;

- Thuyết minh đề tài, dự án;

- Tóm tắt hoạt động khoa học - công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án;

- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án của tổ chức và cá nhân;

- Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ các nguồn khác (nếu có).

2. Tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ (gồm 01 bản gốc và 11 bản sao) đến Sở Khoa học và Công nghệ (qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ) trong thời gian quy định. Ngày nhận hồ sơ tham gia tuyển chọn là ngày ghi trên dấu bưu điện hoặc dấu công văn đến của Sở Khoa học và Công nghệ. Bộ hồ sơ phải được niêm phong và ghi bên ngoài những thông tin sau:

- Tên đề tài, dự án đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện;

- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án;

- Họ và tên cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án và danh sách những người tham gia thực hiện đề tài, dự án;

- Danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

3. Trong thời hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ và thay hồ sơ mới; bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã gửi đến cơ quan tuyển chọn. Mọi sự thay đổi phải được diễn ra trong thời hạn quy định và là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 7. Tổ chức đánh giá hồ sơ

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì việc mở hồ sơ với sự tham gia của đại diện Hội đồng tuyển chọn và đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn. Quá trình mở hồ sơ sẽ được lập thành biên bản có chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu của Sở Khoa học và Công nghệ; chữ ký của đại diện Hội đồng tuyển chọn và đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

2. Các hồ sơ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6, Quy định này được tham gia tuyển chọn.

3. Việc đánh giá hồ sơ được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể cho từng loại đề tài, dự án.

4. Hội đồng tuyển chọn tổ chức họp, thảo luận, đánh giá và bỏ phiếu chấm điểm hồ sơ tham gia tuyển chọn.

5. Tổ chức và cá nhân được đề nghị trúng tuyển chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh là tổ chức, cá nhân có hồ sơ xếp hạng cao nhất và có tổng số điểm trung bình đạt tối thiểu 70/100 điểm (đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đề tài khoa học xã hội và nhân văn) và 65/100 điểm (đối với dự án khoa học - công nghệ), trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 03 điểm.

6. Hội đồng tuyển chọn xếp hạng các hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện 01 đề tài, dự án có tổng số điểm trung bình đạt mức quy định tối thiểu trở lên theo nguyên tắc sau:

- Tổng số điểm trung bình theo thứ tự từ cao xuống thấp;

- Ưu tiên điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau;

- Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình và điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc của Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) bằng nhau thì Hội đồng trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

7. Các đề tài, dự án tuyển chọn không có hồ sơ tuyển chọn đạt số điểm theo quy định thì không thực hiện trong kế hoạch năm đó.

8. Đối với những hồ sơ được đề nghị thực hiện, Hội đồng tuyển chọn thảo luận để kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi về những nội dung đã nêu trong thuyết minh và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện đề tài, dự án.

9. Hội đồng tuyển chọn lập biên bản đánh giá về các hồ sơ đăng ký tuyển chọn và các kiến nghị đối với tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

10. Trong trường hợp chỉ có 01 hồ sơ tham gia tuyển chọn, Hội đồng tuyển chọn vẫn tổ chức đánh giá theo các tiêu chuẩn và quy trình nêu trong Quy định này.

Điều 8. Hội đồng tuyển chọn

1. Hội đồng tuyển chọn được thành lập theo Điều 4, Quy định này và có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên (trong đó có 02 ủy viên phản biện do Hội đồng phân công). Thành viên của Hội đồng là các chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn. Thành phần của Hội đồng tuyển chọn như sau:

- 1/3 số thành viên Hội đồng là đại diện các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan; đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài; các tổ chức khác có liên quan;
- 2/3 số thành viên Hội đồng là các nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực khoa học - công nghệ có liên quan.

2. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án và những người tham gia thực hiện đề tài, dự án không được tham gia Hội đồng tuyển chọn đề tài, dự án đã đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện. Trong trường hợp cần thiết, thành viên Hội đồng tuyển chọn có thể là cán bộ đang công tác tại cơ quan, đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án nhưng không quá 01 người và không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng.

3. Hội đồng tuyển chọn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, công khai và bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng làm việc khách quan, chịu trách nhiệm về đánh giá của mình và tuân thủ quy định tuyển chọn, giữ bí mật các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, tuyển chọn.

4. Kỳ họp xem xét, đánh giá tuyển chọn đề tài, dự án của Hội đồng tuyển chọn phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch.

5. Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, thì Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng.

6. Trong cùng 01 hồ sơ nếu có thành viên Hội đồng tuyển chọn cho điểm đánh giá chênh lệch từ 20% trở lên so với điểm đánh giá trung bình của số thành viên Hội đồng tuyển chọn có mặt thì điểm của thành viên Hội đồng này không được chấp nhận. Kết quả đánh giá hồ sơ chỉ dựa trên kết quả cho điểm của các thành viên còn lại của Hội đồng tuyển chọn.

7. Sở Khoa học và Công nghệ cử chuyên viên làm thư ký giúp việc Hội đồng tuyển chọn.

Điều 9. Quy trình làm việc của Hội đồng tuyển chọn

1. Phiên họp thứ nhất:

- Thư ký Hội đồng tuyển chọn công bố quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn và giới thiệu thành phần Hội đồng, đại biểu tham dự.

- Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu của các quy định liên quan đến việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

- Thư ký Hội đồng tuyển chọn đọc biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, thông báo số lượng và danh mục hồ sơ đủ điều kiện để Hội đồng tuyển chọn xem xét, đánh giá.

- Hội đồng tuyển chọn thảo luận, trao đổi để quán triệt nguyên tắc, phương thức xem xét, đánh giá, các tiêu chí, thang điểm, hệ số và cách chấm điểm các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

- Hội đồng tuyển chọn phân công 02 thành viên am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án làm ủy viên phản biện. Khi cần thiết, Hội đồng tuyển chọn kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ mời các chuyên gia am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu đề tài, dự án không thuộc thành phần Hội đồng làm tư vấn phản biện, nhận xét và đánh giá hồ sơ (các chuyên gia không bỏ phiếu đánh giá).

- Các thành viên Hội đồng tuyển chọn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn.

- Hội đồng tuyển chọn thống nhất ngày họp phiên tiếp theo.

2. Phiên họp thứ hai:

- Hội đồng tuyển chọn nghe ủy viên phản biện của Hội đồng hoặc các chuyên gia phản biện đọc bản nhận xét đánh giá, phân tích từng hồ sơ (đánh giá về điểm mạnh, điểm yếu) và so sánh giữa các hồ sơ đăng ký tuyển chọn. Hội đồng tuyển chọn có thể nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện hoặc chuyên gia phản biện về từng tiêu chí đánh giá liên quan đến từng hồ sơ. Sau khi trình bày nhận xét về các hồ sơ, trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia không là thành viên Hội đồng không tiếp tục dự phiên họp của Hội đồng.

- Thư ký Hội đồng tuyển chọn đọc bản nhận xét, đánh giá của các thành viên Hội đồng vắng mặt (nếu có) để Hội đồng nghiên cứu tham khảo.

- Hội đồng tuyển chọn thảo luận, đánh giá: Các thành viên Hội đồng trao đổi, thảo luận từng hồ sơ theo từng tiêu chí được quy định; nhận xét, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của từng hồ sơ theo yêu cầu, so sánh giữa các hồ sơ tham gia tuyển chọn.

- Hội đồng bầu ban kiểm phiếu và bỏ phiếu: Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên của Hội đồng (trong đó bầu 01 Trưởng ban). Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Phiếu hợp lệ là những phiếu thực hiện đúng chỉ dẫn ghi trên phiếu. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu. Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng tuyển chọn xếp hạng hồ sơ theo nguyên tắc nêu tại Điều 7, Quy định này.

- Hội đồng tuyển chọn thảo luận để kiến nghị những điểm cần bổ sung, sửa đổi của bản thuyết minh đề tài, dự án và những điểm cần lưu ý trong quá trình hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân được lựa chọn.

- Hội đồng thông qua biên bản cuộc họp, kiến nghị với Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh danh sách tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

Điều 10. Phê duyệt kết quả tuyển chọn

Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận tổ chức cá nhân trúng tuyển. Trong vòng 07 ngày (kể từ khi có quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển) tổ chức, cá nhân trúng tuyển phải có ý kiến (bằng văn bản) đến Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận việc thực hiện đề tài, dự án trúng tuyển. Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng tuyển từ chối thực hiện đề tài, dự án thì tổ chức, cá nhân có hồ sơ đạt điểm trung bình tiếp theo sẽ được thay thế nhưng vẫn phải đảm bảo số điểm tối thiểu đã được quy định.

Điều 11. Thẩm định và phê duyệt thuyết minh đề tài, dự án

1. Tổ chức và cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ đề tài, dự án theo kiến nghị của Hội đồng tuyển chọn và gửi Sở Khoa học và Công nghệ trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan (trong trường hợp cần thiết) thẩm định thuyết minh đề tài, dự án đã chỉnh sửa của tổ chức, cá nhân trúng tuyển trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt đề tài, dự án của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng nghiên cứu khoa học với tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

Điều 12.

1. Tổ chức và cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong việc tổ chức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, các thành viên Hội đồng tuyển chọn, các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, các cấp, các ngành, các tổ chức và cá nhân có trách nhiệm phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Hải (đã ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 184/2007/QĐ-UBND	*Việt Trì, ngày 26 tháng 1 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Về đơn giá, trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về đơn giá, trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cùng Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng liên quan tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 878/2006/QĐ-UBND ngày 29/03/2006 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về đơn giá, trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Ban hành kèm theo Quyết định số: 184/2007/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2007 của UBND tỉnh Phú Thọ

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bản quy định này ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất, các tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế, được quy định tại Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; cụ thể hóa một số điều Nghị định số 197/2004/NĐ-CP, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần, Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan; quy định việc thành lập Hội đồng, trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 2.

1. Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo; hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi chung là người bị thu hồi đất) và có đủ điều kiện để được bồi thường đất theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP thì được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP; Thông tư số 116/2004/TT-BTC, và Bản quy định này.

2. Người được bồi thường thiệt hại về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi phải là chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Những nội dung không quy định tại Bản quy định này thì được thực hiện theo Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CHƯƠNG II: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT

Điều 3.

1. Người sử dụng đất ở bị Nhà nước thu hồi có đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định phải di chuyển chỗ ở, thì được bồi thường bằng một trong các hình thức như: Bồi thường bằng nhà ở; bồi thường bằng giao đất ở mới; bồi thường bằng tiền (để tự lo chỗ ở mới). Nếu bồi thường bằng tiền thì diện tích đất ở được tính theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất ở được xác định và tính bồi thường theo quy định tại Điều 87 Luật Đất đai và Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP.

Phần diện tích còn lại (nếu có) được bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng nhân 2 lần, nhưng không được cao hơn giá đất ở có giá thấp nhất liền kề.

2. Đất vườn ao liền kề với đất ở trong khu dân cư (thời gian sử dụng lâu dài) nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở được bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm hạng cao cùng vùng nhân 2 lần,nhưng không được cao hơn giá đất ở có giá thấp nhất liền kề.

Điều 4. Giá đất để tính bồi thường và chi phí hợp lý đầu tư vào đất còn lại được quy định như sau:

1. Giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng đúng quy định của Nhà nước đã được UBND tỉnh quy định và công bố tại thời điểm có quyết định thu hồi đất; không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng.

2. Chi phí đầu tư vào đất còn lại được xác định bằng tổng chi phí hợp lý tính thành tiền đầu tư vào đất trừ đi số tiền tương ứng với thời gian đã sử dụng đất. Các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại gồm:

- Tiền sử dụng đất của thời hạn chưa sử dụng đất trong trường hợp giao đất có thời hạn, tiền thuê đất đã nộp trước cho thời hạn chưa sử dụng đất (có chứng từ hóa đơn nộp tiền).

- Các khoản chi phí san lấp mặt bằng, chi phí tôn tạo đất theo hiện trạng của đất khi được giao, được thuê và phù hợp với mục đích sử dụng đất (đối với đất nông nghiệp) phải khấu trừ chi phí đầu tư đã sử dụng tính theo chế độ khấu hao tài sản cố định hiện hành. Những chi phí không đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh thì không được bồi thường. Trường hợp thu hồi đất phi nông nghiệp hoặc đất ở mà đã được bồi thường theo giá đất phi nông nghiệp hoặc đất ở thì không được bồi thường chi phí san lấp mặt bằng, chi phí tôn tạo đất.

3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng vượt hạn mức đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP thì được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 4 bản quy định này.

4. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán, đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi thì không được bồi thường về đất, nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được thực hiện theo khoản 5 Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ và Mục 4.4 Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 7/12/2004 của Bộ Tài chính.

Mức hỗ trợ bằng 50% giá đất bồi thường tính cho diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

5. Bồi thường đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn.

a) Khi Nhà nước thu hồi đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ thì thực hiện theo khoản 1 Điều 16 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.

b) Trường hợp Nhà nước không thu hồi đất thì đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất thực hiện theo điểm a, điểm c khoản 2 Điều 16 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.

Riêng trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất (nhà ở, công trình đủ điều kiện tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn của công trình). Nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng của đất thì được bồi thường bằng tiền theo mức thiệt hại thực tế.

Đối với diện tích đất bị hạn chế sử dụng mức bồi thường bằng 50% đơn giá tại thời điểm thu hồi đất.

CHƯƠNG III: BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI VỀ TÀI SẢN

Điều 5.

1. Chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất mà bị thiệt hại thì được bồi thường. Giá bồi thường được áp dụng theo các Bảng đơn giá bồi thường kèm theo Bản quy định này.

2. Đối với nhà, công trình bị phá dỡ một phần, mà phần còn lại không còn sử dụng được, hoặc nhà, công trình xây dựng bị phá dỡ làm ảnh hưởng đến các công trình khác trong cùng một khuôn viên đất nhưng vẫn tồn tại song không thể sử dụng được theo thiết kế, quy hoạch xây dựng ban đầu thì được bồi thường cho toàn bộ công trình.

Trường hợp nhà công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì được bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ.

3. Một số bộ phận, trang thiết bị của nhà hoặc công trình có thể tháo dời và di chuyển đến chỗ ở mới thì chỉ bồi thường chi phí vật liệu phụ cho việc lắp đặt lại.

4. Đối với việc bồi thường, di chuyển các công trình văn hóa, di tích lịch sử, nhà thờ, đình, chùa, am, miếu, nghĩa trang liệt sĩ không theo quy định này. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có quyết định cho từng trường hợp cụ thể đối với công trình do địa phương quản lý.

5. Đối với công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật mà không còn sử dụng được hoặc thực tế không sử dụng thì khi Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường.

Điều 6.

Bồi thường về di chuyển mồ mả: Người có mồ mả tự tổ chức di chuyển. Mức bồi thường gồm có chi phí đào, đắp, vận chuyển tiểu sành bình thường, khối lượng xây cụ thể, lệ phí nghĩa trang và một số chi tín ngưỡng khác cho cả hai nơi (cũ và mới).

Mồ mả chưa có người nhận thì giao cho chủ dự án chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc di chuyển.

Mức bồi thường di chuyển được xác định như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Loại công việc	ĐVT	Đơn giá
I	**Mồ mả có người nhận**	**Ngôi**	
1	Mồ mả đã cải táng	-	500.000
2	Mồ mả chưa cải táng	-	
-	Đã chôn trên 36 tháng	-	1.000.000
-	Đã chôn từ 25 - 36 tháng	-	1.300.000
-	Đã chôn từ 13 - 24 tháng	-	1.700.000
-	Đã chôn từ 4 - 12 tháng	-	2.200.000
-	Đã chôn dưới 4 tháng	-	2.700.000
3	Mộ nhất táng (chôn cất 1 lần không cải táng)		Cộng thêm 10% so với mồ mả chưa cải táng cùng loại quy định tại Khoản 2 Mục I và Mục II
II	**Mồ mả chưa có người nhận**	**Ngôi**	
1	Đã cải táng	-	400.000
2	Chưa cải táng	-	800.000
III	**Phần xây mộ**		
	Đo khối lượng cụ thể và vận dụng đơn giá bồi thường vật kiến trúc tương đương để tính bồi thường		

Điều 7.

Bồi thường đối với cây hàng năm thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ.

Điều 8.

Đối với vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) được bồi thường như sau:

1. Đối với vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất đã đến thời kỳ thu hoạch thì không bồi thường.

2. Đối với vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm, trường hợp có thể di chuyển được thì bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra. Căn cứ vào thời kỳ sản xuất nuôi trồng thủy sản và thời điểm thu hồi đất. Mức bồi thường thiệt hại và di chuyển do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đề nghị nhưng không quá 70% giá trị sản lượng của 1 vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 3 năm liền kề và giá trung bình tại thời điểm.

Điều 9.

Bồi thường cây lâu năm.

Người có cây phải tự chặt hạ, thu dọn và vận chuyển.

Mức bồi thường theo đơn giá kèm theo bản quy định này:

1. Đối với cây lấy gỗ:

*** Cách phân loại:**

Được xác định bằng đo đường kính thân cây tại vị trí cách mặt đất 1,2m.

*** Cây trồng riêng lẻ.**

- Cây trồng đang ở chu kỳ đầu tư hoặc đang ở thời kỳ xây dựng cơ bản thì bồi thường chi phí trồng, chi phí chăm sóc đến thời điểm thu hồi đất.

- Cây hết thời gian xây dựng cơ bản gần đến tuổi khai thác thì bồi thường chi phí chặt hạ, thu dọn, vận chuyển và một phần giá trị cây do khai thác sớm bị giảm sản lượng.

- Cây trồng đã đến tuổi khai thác thì bồi thường chi phí công chặt hạ, thu dọn, vận chuyển.

**** Cây trồng theo dự án***

- Cây trồng thành rừng **theo dự án** chưa đến tuổi khai thác, diện tích lớn có dự án được duyệt thì mức bồi thường được xác định theo chi phí trồng, chăm sóc, chặt hạ đến thời điểm thu hồi. Nếu vốn trồng rừng thuộc vốn ngân hàng, mức bồi thường bằng tổng cộng chi phí trồng, chăm sóc và lãi vay ngân hàng theo khế ước.

- Cây trồng thành rừng theo dự án đã đến tuổi khai thác, diện tích lớn có dự án được duyệt thì được hỗ trợ chi phí chặt hạ. Mức hỗ trợ bằng 10% tổng chí phí dự án đến thời điểm thu hồi.

2. Đối với Tre, Bương, Mai, Diễn, Nứa...:

*** Cây trồng riêng lẻ.**